

## **Học cách học**

Thế giới ở thế kỷ 21 đòi hỏi việc học tập không ngừng. Khi môi trường làm việc trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi nhiều hơn những kỹ năng cấp độ cao, và khi cộng đồng được kết nối tốt hơn thông qua công nghệ và các phương tiện truyền thông khác, các cá nhân phải có khả năng phát triển kỹ năng riêng của bản thân để theo kịp với môi trường. Giúp học sinh điều khiển và quản lý quá trình học tập của bản thân là mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục. Thư viện Đánh giá Dự án chứa đựng các tài liệu về cách đánh giá đa dạng mà học sinh có thể sử dụng để đánh giá quá trình học tập của bản thân mình.

## **Tự phản hồi và phản hồi từ bạn học**

Nghiên cứu chứng minh rằng tự đánh giá có thể đóng một vai trò quan trọng trong quá trình học tập. (Kitsantas, Reisner và Doster, 2004). Cung cấp cho học sinh cơ hội để đánh giá tư duy của bản thân và tư duy của bạn học giúp các em thực hành các kỹ năng cần thiết để giúp các em trở thành những người học tự định hướng và độc lập.

Tự đánh giá giúp học sinh tiếp thu các chuẩn mà các sản phẩm học tập của các em được đánh giá dựa trên các chuẩn đó. (Wiggins, 1990). Các kiểu đánh giá, chẳng hạn như phiếu tự đánh giá rubric, được sử dụng để đánh giá các sản phẩm học tập cuối cùng, có thể phát cho học sinh khi các em thực hiện dự án học tập nhằm giúp các em biết được sản phẩm của mình phải như thế nào thì đạt được kết quả như mong muốn. Khi học sinh tham gia phát triển phiếu tự đánh giá, các em cũng phải suy nghĩ ở mức xuất sắc, một sản phẩm học tập phải như thế nào. Sau đó các em học cách xác định sự khác nhau giữa tư duy của các em và tư duy của các chuyên gia trong lĩnh vực đó. Việc làm này giúp các em phát triển các kỹ năng cần thiết để đánh giá sự tiến bộ của bản thân mình.

Khi học sinh đánh giá quá trình tư duy của bản thân và sản phẩm các em tạo ra, các em đang làm nhiều việc chứ không đơn thuần chỉ là tìm lỗi sai mà thôi. Các em đang "làm rõ những gì thông thường được ngụ ý" (Noonan và Duncan, 2005). Điều này cực kỳ quan trọng khi đánh giá quá trình hoạt động trí óc, ví dụ như kỹ năng tư duy cấp độ cao và các kỹ năng thế kỷ 21 khác mà chúng ta không thể đưa ra nhận xét ngay nếu không có sự chuẩn bị kỹ càng.

Đưa tự đánh giá vào thành một hoạt động thường nhật trong lớp học là một việc rất quan trọng để đào tạo những người học độc lập, tự tin. Tuy nhiên việc này đòi hỏi phải có sự chuẩn bị cẩn thận và phải nhất quán trong hướng dẫn. Black và các đồng nghiệp (2003) đưa ra những

hướng dẫn để thực hiện thành công việc tự đánh giá của học sinh như sau:

1. Các tiêu chí đánh giá bất kỳ sự thành tích nào trong học tập đều phải được giải thích rõ cho học sinh để học sinh có thể nắm vững cả mục tiêu của việc học tập của các em và những gì cần phải làm để đạt mục tiêu đó một cách thành công. Những tiêu chí như thế có thể rất trừu tượng - cần sử dụng những ví dụ cụ thể khi làm mẫu các bài tập nhằm giúp học sinh hiểu.
2. Nên dạy cho học sinh thói quen và kỹ năng cộng tác trong việc phản hồi từ bạn học, vì thói quen và kỹ năng này có giá trị thực chất và vì phản hồi từ bạn học có thể giúp phát triển tính khách quan cần có cho việc tự đánh giá có hiệu quả.
3. Nên khuyến khích học sinh ghi nhớ mục tiêu của công việc các em làm và đánh giá sự tiến bộ của bản thân để đạt được những mục tiêu đó khi các em tiếp tục công việc. (trang 52-53)

Trong lớp học lấy học sinh làm trung tâm, giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, nhưng cuối cùng là học sinh tự đánh giá bản thân mình. Rất nhiều nghiên cứu cho thấy rằng yêu cầu học sinh suy nghĩ ở mức độ nhận thức cao về việc tư duy và việc học của các em đem lại thành công lớn hơn. Marzano (1998) nhận thấy những tác động nào yêu cầu học sinh suy nghĩ về việc học của mình thì có ảnh hưởng lớn đến thành công của học sinh hơn bất kỳ phương pháp nào khác. Khi học sinh tự đánh giá một cách trung thực, các em không còn xem mình là người thụ động nữa khi tiếp nhận kiến thức và những hướng dẫn kỹ năng. Bằng nhiều cách rất quan trọng khác nhau, học sinh chịu trách nhiệm về việc học của bản thân mình, làm theo hướng dẫn, và tham gia thực hiện các nhiệm vụ học tập có ý nghĩa.

Một yếu tố tăng cường tính hiệu quả của việc tự đánh giá là sự tập trung vào mục tiêu quá trình hơn là mục tiêu sản phẩm (Schunk & Zimmerman, 1998). Ví dụ, học sinh nào có khả năng đặt được giả thuyết khoa học, rút ra được kết luận từ các dữ liệu, hoặc kết hợp được những điều mới học và những điều đã biết thì sẽ có lợi thế hơn rất nhiều trong việc tự đánh giá, so với những học sinh chỉ đơn thuần tập trung vào viết một bài thu hoạch thí nghiệm thật tốt. Langer chỉ ra rằng suy nghĩ về kết quả học tập thường cản trở học sinh trong việc giải quyết vấn đề. Với định hướng quá trình, suy nghĩ về việc "Tôi sẽ làm việc này thế nào?" thay vì "Tôi có thể làm việc này không?" giúp các em suy nghĩ tích cực về các cách khác nhau để giải quyết một vấn đề mà không bị tập trung vào nhiều khả năng thất bại (Langer, 1989, trang 34). Bằng chứng cho thấy những học sinh nào đánh giá việc học của bản thân theo hướng dựa vào sản phẩm phải chịu ảnh hưởng tiêu

cực từ việc tự đánh giá không thường xuyên trong khi việc tự đánh giá thường xuyên đem lại lợi ích cho tất cả mọi đối tượng là người học. (Kitsantas, Reiser, & Doster, 2004).

Những học sinh đã quen với việc "được dạy" thay vì việc "học" có thể không thoải mái trước sự thay đổi văn hóa lớp học, nơi mà học sinh làm chủ việc học của mình. Các giáo viên trong dự án Black's (2003) ở miền Nam nước Anh nhận thấy rằng, khi áp dụng đánh giá quá trình được tiến hành thường xuyên thì những học sinh ở các lớp lớn hơn đôi khi không tích cực đáp ứng vai trò mà các em phải thực hiện trong . Trong khi việc theo dõi sự tiến bộ của bản thân trong quá trình học tập có thể tạo động lực thúc đẩy một số học sinh thì đối với một số học sinh khác điều đó lại trở nên khó chịu. Giáo viên cần ý thức điều này khi bắt đầu thực hiện việc tự đánh giá quá trình. Như Black và các đồng nghiệp đã giải thích, "để khắc phục được kiểu tiếp nhận thụ động này đòi hỏi làm việc cật lực không ngừng"

Giá trị của tự đánh giá không phải là những điều được phóng đại. Khi kiểu tư duy này trở thành một phần thiết yếu trong các hoạt động hàng ngày trong lớp học, học sinh học nhiều hơn, có động lực thúc đẩy nội tại mạnh hơn, quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ học tập có tính thách thức, và đạt được mức độ tự tin cao hơn về khả năng học tập của bản thân mình (Kitsantas, Reiser, & Doster, 2004).